

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MUỜNG LÁT  
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2022/HS-ST

Ngày 28-7 và 01-8-2022

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG LÁT - TỈNH THANH HOÁ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tiến Dũng

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Lương Văn Cường

2. Bà Phan Thị Mây

**- Thư ký Tòa án biên bản phiên tòa:** Bà Lê Thị Hằng, Thư ký - Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 24/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 7 năm 2022, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 7 năm 2022 và Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 01/2022/QĐST-HS ngày 28/7/2022, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Hà Văn T** - Sinh năm 1976; Tên gọi khác: Không.

Nơi sinh: Xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản Lát, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Trồng trọt; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Chức vụ (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Trình độ văn hóa (Học vấn): Không biết chữ; Con ông: Hà Văn M, đã chết; Con bà: Hà Thị P, sinh năm 1945; Vợ: Vi Thị C, sinh năm 1982 (Đã ly hôn); Con có 01 con, sinh năm 2001.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 10/6/2005 bị Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 143/2005/HS-ST ngày 08/3/2005. Ngày 08/3/2010 chấp hành xong hình phạt tù, nay đã được xóa án tích; Ngày 27/7/2013 bị cáo bị áp dụng biện pháp cai nghiện bắt buộc (thời hạn 02 năm), ngày 01/8/2015 chấp hành xong biện pháp cai nghiện bắt buộc.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 06/3/2022 chuyển tạm giam ngày 12/3/2022, hiện đang bị Tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

\* *Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Ngọc Khang – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

\* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Đỗ Văn K, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khu 2, thị trấn Mường Lát, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt có lý do.

2. Bà Hà Thị P, sinh năm 1945. Địa chỉ: Bản Lát, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều 05/3/2022, Hà Văn T đi đến khu vực rừng măng, thuộc bản Ôn, xã Tam Chung, huyện Mường Lát (Nơi giáp ranh giữa Việt Nam và nước CHDCND Lào) để tìm mua ma túy sử dụng. Tại đây, T gặp một người phụ nữ (T không biết tên, tuổi, địa chỉ) trong rừng măng, người phụ nữ này đã hỏi T “Có mua ma túy không?”, T nói “Có” và đề nghị người phụ nữ này đem ma túy ra xem. Sau đó, T nói có 400.000đ (Bốn trăm nghìn đồng) rồi đưa hết số tiền này cho người phụ nữ kia, người phụ nữ nhận tiền và đưa cho T một túi nilon màu đen, bên trong đựng 05 bọc nilon màu hồng chứa cục bột màu trắng ngà và 01 gói nilon màu xanh bên trong chứa 169 viên hồng phiến (trong đó: có 167 viên màu hồng và 02 viên màu xanh). Khi có ma túy, T cất vào túi áo ngực bên trái rồi tiếp tục đi hái măng.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày thì T bắt đầu ra khỏi rừng măng, lấy xe máy để đi về nhà. Khi T đi đến chốt kiểm dịch Covid-19 thì bị Tổ tuần tra Đồn Biên phòng Tam Chung thấy có biểu hiện nghi vấn đối với Hà Văn T, nên yêu cầu dừng lại kiểm tra. Quá trình kiểm tra thì phát hiện Hà Văn T đang cất giấu trong túi áo ngực bên phải đang mặc có túi nilon màu đen, bên trong chứa 05 bọc nilon màu hồng có chứa chất cục bột màu trắng ngà, nghi là hêrôin và 01 túi nilon màu xanh, bên trong chứa 169 viên nén hình trụ tròn (gồm: 167 viên màu hồng và 02 viên nén màu xanh) nghi là ma túy tổng hợp. Ngay sau đó, Tổ công tác tiến hành bắt người phạm tội quả tang đối với Hà Văn T, thu giữ toàn bộ tang vật là ma túy và 01 xe máy, đã qua sử dụng.

Tại bản kết luận giám định số 974/KL-KTHS ngày 07/3/2022 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa, kết luận:

- 05 (Năm) cục trắng ngà đựng trong 05 bọc nilon màu hồng của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 17,271g (Mười bảy phẩy hai bảy một gam) loại: Hêrôin.

- 167 (Một sáu bảy) viên nén màu hồng có ký hiệu WY đựng trong một gói nilon màu xanh của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 16,863g (Mười sáu phẩy tám sáu ba gam) loại: Methamphetamine.

- 02 (Hai) viên nén màu xanh có ký hiệu A đựng trong một gói nilon màu xanh của phong bì niêm phong gửi giám định là ma túy, có tổng khối lượng 0,202g (Không phẩy hai không hai gam) loại: Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT đã xác định chiếc xe máy BKS 36P7 - 5954 là tài sản chung của bị cáo và mẹ bị cáo là bà Hà Thị P. Hiện chiếc xe này đang được

bảo quản tại Chi cục THADS huyện Mường Lát.

Tại bản Cáo trạng số 33/CT-VKS-ML ngày 06/7/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát, truy tố bị cáo Hà Văn T về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Lát tranh luận, luận tội đối với bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo có bố để được tặng “Huân chương kháng chiến” hạng Ba; Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu. Vì vậy, đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố Bị cáo theo toàn bộ nội dung bản Cáo trạng. Đề nghị HĐXX tuyên, bị cáo Hà Văn T phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

Đề nghị áp dụng: Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 3 Điều 249 của Bộ luật Hình sự;

Xử phạt bị cáo Hà Văn T, từ **10** năm **06** tháng đến **11** năm tù; Thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày tạm giữ, tạm giam. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo, vì bị cáo làm nghề trồng trọt, không có thu nhập thường xuyên.

Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành;

Trả lại chiếc xe máy đã thu giữ của bị cáo cho chủ sở hữu hợp pháp.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, Bị cáo xác nhận trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo không bị Cơ quan tiến hành tố tụng ép cung, bức cung hay nhục hình và khai nhận biết rõ hành vi tàng trữ chất ma túy để sử dụng là vi phạm pháp luật, bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng do bản thân nghiện chất ma túy, không làm chủ được hành vi, nên mới mua ma túy để sử dụng dần, ngoài ra không nhằm mục đích nào khác; bị cáo nhận tội, thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như bản Cáo trạng đã nêu là đúng, bị cáo không khai báo thêm tình tiết mới. Mong HĐXX trả lại chiếc xe máy cho mẹ bị cáo để gia đình đi lại có phương tiện đi lại.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố của VKS về tội danh, điều luật áp dụng, cũng như đề nghị của của kiểm sát viên về mức hình phạt. Người bào chữa đề nghị HĐXX xem xét đến thái độ của bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Đồng thời, Bị cáo lại là người dân tộc thiểu số, từ nhỏ đã sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, không được đi học nên không biết chữ, nên dẫn đến hạn chế về nhận thức pháp luật và cũng là nạn nhân của tệ nạn ma túy. Đề nghị HĐXX, xem xét xử bị cáo một mức án thấp nhất có thể, mà vẫn có tính răn đe, phòng ngừa; Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo; Trả lại chiếc xe máy cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Thị P.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Văn K trình bày trong quá trình điều tra: Anh kinh doanh xe máy, nên năm 2018 anh mua lại chiếc xe máy này của anh ở xã Thiệu Hợp, huyện Thiệu Hóa, tỉnh Thanh Hóa, hai bên viết giấy tay với nhau. Sau đó

anh bán lại cho bị cáo Hà Văn T vào năm 2018, với giá là 8.500.000đ, hai bên cũng viết giấy tay với nhau, giao xe và giấy tờ xe cho bị cáo T, hai bên thỏa thuận việc sang tên là trách nhiệm của bị cáo T. Ngoài ra không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Thị P trình bày: Chiếc xe máy cơ quan chức năng thu giữ khi bắt Hà Văn T là xe của gia đình bà, bà bỏ ra số tiền là 6.000.000đ, Thêm có 2.500.000đ để mua xe của anh K về làm phương tiện đi lại cho gia đình. Đề nghị HĐXX trả lại chiếc xe cho gia đình làm phương tiện đi lại.

**Bị cáo nói lời sau cùng:** Bị cáo thấy việc làm của mình là sai, bị cáo rất ân hận về việc làm sai trái, thống nhất với ý kiến của người bào chữa, mong Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo một mức án thấp nhất có thể, để bị cáo sớm được về với gia đình, xã hội và sẽ trở thành người công dân tốt.

Căn cứ vào các tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời nói sau cùng của Bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định của cơ quan Cảnh sát điều tra, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, Bị cáo, người bào chữa và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đánh giá chứng cứ; hành vi của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo tại Biên bản bắt người phạm tội quả tang; Biên bản niêm phong vật chứng; Bản kết luận giám định; Biên bản ghi lời khai, Biên bản hỏi cung; phù hợp thời gian, địa điểm và chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, đã được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Vào 21 giờ, ngày 05/3/2022, Tổ công tác Đoàn Biên phòng Tam Chung đã bắt quả tang Hà Văn T có hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy” tại chốt kiểm dịch Covid- 19 thuộc địa phận bản Ón, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, đã bắt quả tang Hà Văn T khi đang cất dấu trong túi áo ngực bên phải đang mặc có túi nilon màu đen, bên trong chứa 05 bọc nilon màu hồng có chứa chất cục bột màu trắng ngà và 01 túi nilon màu xanh, bên trong chứa 169 viên nén hình trụ tròn. Hà Văn T khai nhận đây là Methamphamin và hêrôin, bị cáo mua về để sử dụng dần, không nhằm mục đích nào khác. Qua giám định, các chất ma túy thu của Hà Văn T, gồm 17,271gam hêrôin và 17,065gam Methamphetamin, các chất ma túy bị cáo tàng trữ đều quy được định tại điểm b khoản 3 Điều 249 BLHS, do đó được phép cộng dồn các chất ma túy thu giữ của bị cáo là 17,271g hêrôin + 17,065g methamphetamin = 34,336g ma túy các loại. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để khẳng định bị cáo

Hà Văn T đã phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm h khoản 3 Điều 249 BLHS, đúng như tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố, luận tội của Kiểm sát viên và lời khai nhận tội của bị cáo.

[3] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội: Tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, vì bị cáo là người đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bị cáo biết ma túy là chất gây nghiện, bị pháp luật nghiêm cấm, khi người sử dụng sẽ phải phụ thuộc hoàn toàn vào ma túy, ma túy còn hủy hoại thể chất, tinh thần và đồng thời cũng có thể là tác nhân phát sinh những tội phạm khác, nhưng bị cáo vẫn cố ý tàng trữ với mục đích sử dụng; hành vi của bị cáo là lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền về chất ma túy của Nhà nước, gây nguy hiểm cho xã hội, ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn.

[4] Xét tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có bố để được tặng thưởng “Huân chương kháng chiến” hạng Ba; Vì vậy, cần áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, nhưng bị cáo có nhân thân xấu, vì năm 2005 bị cáo đã bị xử phạt 06 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” và 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt, đã được xóa án tích; Năm 2013 đi cai nghiện bắt buộc 02 năm, đến ngày 01/8/2015 chấp hành xong biện pháp cai nghiện bắt buộc, nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân, tu dưỡng, rèn luyện mà lại tiếp tục lâm vào con đường ma túy, nên HĐXX sẽ cân nhắc để xem xét khi quyết định hình phạt.

[5] Về hình phạt chính: Trên cơ sở đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo đã thực hiện, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo thấy: Cần xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với tính chất mức độ, hành vi của bị cáo gây ra, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời để bị cáo có thời gian cai nghiện chất ma túy. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát Mường Lát thực hành quyền công tố tại phiên tòa về hình phạt đối với bị cáo là phù hợp về khối lượng ma túy thu giữ, nhân thân người phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nên HĐXX chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 điều 249 BLHS “Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000<sup>d</sup> đến 500.000.000<sup>d</sup>.....”. Nhưng xét bị cáo làm nghề trồng trọt, thu nhập không ổn định, lại là người nghiện ma túy, nên HĐXX miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền cho bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: Đối với số ma túy thu giữ của bị cáo còn lại sau giám định, đây là vật chứng vụ án, là chất Nhà nước cấm lưu hành, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 chiếc xe máy thu giữ của bị cáo, quá trình điều tra và tại phiên tòa, xác định đây là tài sản hợp pháp của mẹ bị cáo, bị cáo có đề nghị nếu trả lại thì trả lại chiếc xe máy này cho mẹ bị cáo, bà Póm cũng đề nghị xin lại chiếc xe máy làm phương tiện. HĐXX xét thấy đây không phải là phương tiện phạm tội, không phải vật

chứng của vụ án, nên trả lại cho chủ sở hữu là bà Hà Thị P.

[8] Về án phí: Bị cáo có tội và không thuộc diện được miễn án, nên bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Bị cáo và Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định tại các Điều 331, Điều 332, Điều 333, Điều 337 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[10] Các nhận định khác:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo khai nhận là mua ma túy của người phụ nữ người Lào, nhưng bị cáo không biết tên tuổi, địa chỉ của người này, nên không thể xác minh làm rõ.

Vì các lẽ trên:

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

Điều 38; Điều 50; Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm h khoản 3 Điều 249 Bộ luật hình sự;

**Tuyên bố:** Bị cáo **Hà Văn T** phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

**Hình phạt:** Xử phạt Bị cáo Hà Văn Thêm **10** (Mười) năm **06** (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (06/3/2022).

**Vật chứng:** Áp dụng điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 47 Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy toàn bộ 01 phong bì niêm phong mẫu vật do Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, được dán kín, mặt trước ghi vụ Hà Văn Thêm, mặt sau được dán kín, niêm phong bởi các chữ ký ghi rõ họ tên Lê Minh Tiến, Trần Thị Thúy Hằng, Cút Văn Thi và các hình dấu của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa.

Trả lại 01 xe máy BKS 36P7-5954; nhãn hiệu HONDA; số khung: RLHHC12368Y458825; số máy: HC12E-2210146, yếm thùng, không có hộp xích, xe màu đen, đã qua sử dụng, cho bà Hà Thị P, sinh năm 1945. Địa chỉ: Bản Lát, xã Tam Chung, huyện Mường Lát, tỉnh Thanh Hóa.

Vật chứng, tài sản trên hiện đang bảo quản tại kho tang vật của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Lát theo biên bản giao nhận vật chứng số 42/NK-2022 ngày 07/7/2022 giữa Công an huyện Mường Lát và Chi cục THADS huyện Mường Lát.

**Án phí:** Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Khoản 1, Điều 23, Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo Hà Văn T phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí Hình sự sơ thẩm.

**Kháng cáo, Kháng nghị:** Căn cứ điều 331, điều 332, điều 333 và điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Án xử công khai; Có mặt bị cáo; người bào chữa cho chó bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Bị cáo và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; Viện kiểm sát

có quyền kháng nghị theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, điều 7, điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án căn cứ điều 30 luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Phòng KTNV-THA, TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Phòng 7 - VKS nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Sở Tư pháp tỉnh Thanh Hóa;
- VKS nhân dân huyện Mường Lát;
- Cơ quan THAHS – Công an huyện Mường Lát;
- Cơ quan CSĐT- Công an H. Mường Lát;
- Bộ phận hồ sơ - Công an H. Mường Lát;
- Nhà Tạm giữ – Công an huyện Mường Lát;
- Chi cục THADS huyện Mường Lát;
- UBND xã Tam Chung, huyện Mường Lát;
- Bị cáo Hà Văn T;
- Người bào chữa;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Hồ sơ Thi hành án Hình sự;
- Lưu Hồ sơ vụ án.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tiến Dũng**

